

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 25/12/2020.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đông.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Trần Thảo T, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số nhà 470, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Hồ Tứ P, sinh năm 1971; địa chỉ tạm trú: Số nhà 470, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1, khu phố L, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1] Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – Chị Nguyễn Trần Thảo T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trần Thảo T và anh Hồ Tứ P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận B, thành phố H. Do vợ chồng không có sự đồng thuận trong công việc làm ăn; phát triển kinh tế gia đình và bất đồng trong lối sống, tính cách nên trong cuộc sống

hôn nhân thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị T và anh P đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh P và các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh P có chung ba người con tên là Hồ Nguyễn Thiên A, sinh năm 2002; Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014. Đối với con chung Hồ Nguyễn Thiên A2 đã thành niên nên chị T không có yêu cầu gì. Hiện nay, chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung Hồ Nguyễn Long A1 và Hồ Nguyễn Thiên A2. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

*[2] Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án - anh Hồ Tứ P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002 anh P và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận B, thành phố H. Trong cuộc sống, do xảy ra mâu thuẫn về công việc, kinh tế, tiền bạc trong gia đình và không có đồng thuận quan điểm với nhau nên các bên thường xảy ra cãi nhau gay gắt. Từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian này, các bên không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên anh P đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh P và chị T có chung ba người con tên là Hồ Nguyễn Thiên A, sinh năm 2002; Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014. Hiện nay, chị T đang là người nuôi dưỡng ba người con chung. Do đó, nếu ly hôn thì anh P đồng ý giao các con cho chị T được quyền nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Chị Nguyễn Trần Thảo T cung cấp những tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, 02 bản sao khai sinh; bản phô tô (chứng thực) sổ hộ khẩu; 02 bản sao chứng minh nhân dân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự và xác minh tại địa phương về tình trạng quan hệ hôn nhân của anh P và chị T

*[4]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh P thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh P và chị T có ba người con chung Hồ Nguyễn Thiên A, sinh năm 2002; Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014. Anh P đồng ý giao ba người con cho chị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn là phù hợp.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

-Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Trần Thảo T được ly hôn với anh Hồ Tứ P.

Về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

Về án phí: Chị Nguyễn Trần Thảo T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

*[1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Nguyễn Trần Thảo T:*

Anh Hồ Tứ P và chị Nguyễn Trần Thảo T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 1, quận B, thành phố H. Do bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn về công việc và kinh tế gia đình nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Từ năm 2016 cho đến nay, anh P và chị T đã sống ly thân với nhau. Thời gian này, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, chị T và anh P không còn tình cảm gì với nhau. Thể hiện tại biên bản lấy lời

khai của anh Hồ Tứ P ngày 05/11/2020 (bút lục 21) anh P đồng ý ly hôn với chị T. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng của anh P và chị T đã nghiêm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Cho nên, cần xử cho chị Nguyễn Trần Thảo T và anh Hồ Tứ P được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh P có chung ba người con là Hồ Nguyễn Thiên A, sinh năm 2002; Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014. Hồ Nguyễn Thiên A đã thành niên và có khả năng lao động nên anh P và chị T không có yêu cầu gì. Hiện nay, chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014. Thể hiện tại bản tự khai ngày 18/11/2020 (bút lục 24) chị T có nguyện vọng được nuôi hai người con Hồ Nguyễn Nhật A2, Hồ Nguyễn Long A1 cho đến khi thành niên. Tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Tứ P, ngày 05/11/2020 (bút lục 21) thể hiện anh P đồng ý giao hai người con chung là Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A1, sinh ngày 09/9/2014 cho chị T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, hai người con chung là Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thể hiện tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị T có nguyện vọng được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai người con cho đến khi thành niên và anh P đồng ý giao các con cho chị T nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao chị P có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung tên là Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về cấp dưỡng*: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Cần buộc chị Nguyễn Trần Thảo T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Trần Thảo T được ly hôn với anh Hồ Tứ P.

2. *Về con chung:*

Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Trần Thảo T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung tên là Hồ Nguyễn Long A1, sinh năm 09/5/2013; Hồ Nguyễn Nhật A2, sinh ngày 09/9/2014 cho đến khi thành niên.

Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T; nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị T không được quyền ngăn cản.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Trần Thảo T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0004375, ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T do chị Nguyễn Trần Uyên T nộp thay. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND phường 1, quận B;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Yến**